

PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT
THUỘC CÔNG TY TNHH NHA
KHOA LÊ THÀNH TÂM
Số:CV.010.2025-CV-NKLTT

V/v kê khai giá dịch vụ
khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: **Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh**

Thực hiện quy định tại Luật Giá năm 2023, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Phòng khám Răng hàm mặt thuộc Công ty TNHH Nha khoa Lê Thành Tâm gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/11/2025.

Phòng khám Răng hàm mặt thuộc Công ty TNHH Nha khoa Lê Thành Tâm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu;



- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 4I, 4J, 4K Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0936116639
- Email: Trucle1201@gmail.com
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của Sở Y tế

(Sở Y tế ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá
và đóng dấu công văn đến)

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số CV.010.2025-CV-NKLT ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

1. Mức giá kê khai

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước	Giá kê khai kỳ này	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Đặt Canuyn mũi hầu, miệng hầu		Lần		0	0	0		
2	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ		Lần		0	0	0		
3	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant		Răng		7.000.000	7.000.000	0	0	
4	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant		Răng		15.000.000	15.000.000	0	0	
5	Phẫu thuật cấy ghép Implant Straumann		Răng		34.000.000	34.000.000	0	0	
6	Phẫu thuật cấy ghép Implant Nobel Biocare		Răng		30.000.000	30.000.000	0	0	
7	Phẫu thuật cấy ghép Implant Misc 1		Răng		22.000.000	22.000.000	0	0	
8	Phẫu thuật cấy ghép Implant Neo Biotech		Răng		16.000.000	16.000.000	0	0	
9	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng Straumann		Răng		34.000.000	34.000.000	0	0	

10	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng Nobel Biocare		Răng		30.000.000	30.000.000	0	0	
11	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng Misc 1		Răng		22.000.000	22.000.000	0	0	
12	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng Neo Biotech		Răng		16.000.000	16.000.000	0	0	
13	Phẫu thuật tăng lợi sừng hoá quanh Implant		Răng		4.000.000	4.000.000	0	0	
14	Điều trị áp xe quanh răng cấp		Răng		300.000	300.000	0	0	
15	Điều trị áp xe quanh răng mạn		Răng		300.000	300.000	0	0	
16	Điều trị viêm quanh răng		Răng		1.000.000	1.000.000	0	0	
17	Chích áp xe lợi		Răng		400.000	400.000	0	0	
18	Lấy cao răng		Răng		500.000	500.000	0	0	
19	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội răng cửa		Răng		2.000.000	2.000.000	0	0	
20	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội răng cối		Răng		2.500.000	2.500.000	0	0	
21	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay răng cửa		Răng		2.000.000	2.000.000	0	0	
22	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng		Răng		3.000.000	3.000.000	0	0	

	dụng trâm xoay cầm tay răng cối								
23	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy răng cửa		Răng		2.000.000	2.000.000	0	0	
24	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy răng cối		Răng		4.000.000	4.000.000	0	0	
25	Chụp tủy bằng MTA		Răng		3.000.000	3.000.000	0	0	
26	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi		Răng		1.000.000	1.000.000	0	0	
27	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA		Răng		6.000.000	6.000.000	0	0	
28	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)		Răng		2.000.000	2.000.000	0	0	
29	Điều trị tủy lại		Răng		3.000.000	3.000.000	0	0	
30	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite		Răng		700.000	700.000	0	0	
31	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite		Răng		500.000	500.000	0	0	
32	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement		Răng		300.000	300.000	0	0	
33	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement		Răng		400.000	400.000	0	0	
34	Phục hồi cổ răng bằng Composite		Răng		500.000	500.000	0	0	

35	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà		Răng		500.000	500.000	0	0	
36	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay		Răng		5.000.000	5.000.000	0	0	
37	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau		Răng		900.000	900.000	0	0	
38	Veneer Composite trực tiếp		Răng		600.000	600.000	0	0	
39	Tẩy trắng răng tùy sởng có sử dụng đèn Plasma		Răng		3.000.000	3.000.000	0	0	
40	Tẩy trắng răng tùy sởng bằng máng thuốc		Răng		2.000.000	2.000.000	0	0	
41	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt		Răng		500.000	500.000	0	0	
42	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)		Răng		500.000	500.000	0	0	
43	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant		Răng		5.000.000	5.000.000	0	0	
44	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant		Răng		6.000.000	6.000.000	0	0	
45	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant		Răng		7.000.000	7.000.000	0	0	
46	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant		Răng		6.000.000	6.000.000	0	0	
47	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant		Răng		6.000.000	6.000.000	0	0	
48	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant		Răng		7.000.000	7.000.000	0	0	

49	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant		Răng		5.000.000	5.000.000	0	0	
50	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant		Răng		5.000.000	5.000.000	0	0	
51	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant		Răng		6.000.000	6.000.000	0	0	
52	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant		Răng		7.000.000	7.000.000	0	0	
53	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant		Răng		5.000.000	5.000.000	0	0	
54	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant		Răng		5.000.000	5.000.000	0	0	
55	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant		Răng		7.000.000	7.000.000	0	0	
56	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant		Răng		9.500.000	9.500.000	0	0	
57	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant		Răng		8.000.000	8.000.000	0	0	
58	Chụp nhựa		Răng		1.000.000	1.000.000	0	0	
59	Chụp kim loại		Răng		3.000.000	3.000.000	0	0	
60	Cầu nhựa		Răng		700.000	700.000	0	0	
61	Cầu hợp kim thường		Răng		700.000	700.000	0	0	
62	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường		Răng		1.000.000	1.000.000	0	0	
63	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường		Răng		2.000.000	2.000.000	0	0	

64	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo		Răng		2.500.000	2.500.000	0	0	
65	Điều trị thói quen nghiêng răng bằng máng		Răng		2.500.000	2.500.000	0	0	
66	Tháo cầu răng giả		Răng		300.000	300.000	0	0	
67	Tháo chụp răng giả		Răng		300.000	300.000	0	0	
68	Sửa hàm giả gãy		Răng		500.000	500.000	0	0	
69	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp		Răng		800.000	800.000	0	0	
70	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp		Răng		700.000	700.000	0	0	
71	Đệm hàm nhựa thường		Răng		800.000	800.000	0	0	
72	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định		Hai hàm		35.000.000	35.000.000	0	0	
73	Sử dụng cung ngang khẩu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng		Cái		5.000.000	5.000.000	0	0	
74	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định		Hai hàm		20.000.000	20.000.000	0	0	
75	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định		Hai hàm		40.000.000	40.000.000	0	0	
76	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp		Răng		300.000	300.000	0	0	
77	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược		Hai hàm		35.000.000	35.000.000	0	0	

78	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa		Hai hàm		35.000.000	35.000.000	0	0	
79	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt		Hai hàm		35.000.000	35.000.000	0	0	
80	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định		Hai hàm		35.000.000	35.000.000	0	0	
81	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định		Hai hàm		35.000.000	35.000.000	0	0	
82	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp		Cái		5.000.000	5.000.000	0	0	
83	Gắn band		Răng		300.000	300.000	0	0	
84	Mài chỉnh khớp cắn		Răng		500.000	500.000	0	0	
85	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ		Răng		2.000.000	2.000.000	0	0	
86	Phẫu thuật nhổ răng ngầm		Răng		2.500.000	2.500.000	0	0	
87	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên		Răng		1.000.000	1.000.000	0	0	
88	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới		Răng		2.000.000	2.000.000	0	0	
89	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân		Răng		2.500.000	2.500.000	0	0	
90	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng		Răng		3.000.000	3.000.000	0	0	

91	Nhỏ răng vĩnh viễn		Răng		500.000	500.000	0	0	
92	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay		Răng		500.000	500.000	0	0	
93	Nhỏ chân răng vĩnh viễn		Răng		500.000	500.000	0	0	
94	Nhỏ răng thừa		Răng		500.000	500.000	0	0	
95	Cắt lợi xơ cho răng mọc		Răng		500.000	500.000	0	0	
96	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới		Răng		500.000	500.000	0	0	
97	Phẫu thuật cắt phanh môi		Răng		500.000	500.000	0	0	
98	Điều trị viêm quanh thân răng cấp		Răng		100.000	100.000	0	0	
99	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp		Răng		500.000	500.000	0	0	
10 0	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp		Răng		500.000	500.000	0	0	
10 1	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant		Răng		500.000	500.000	0	0	
10 2	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement		Răng		500.000	500.000	0	0	
10 3	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement		Răng		500.000	500.000	0	0	
10 4	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt		Răng		500.000	500.000	0	0	
10 5	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục		Răng		500.000	500.000	0	0	

10 6	Lấy tuỷ buồng răng sữa		Răng		700.000	700.000	0	0	
10 7	Điều trị tuỷ răng sữa		Răng		500.000	500.000	0	0	
10 8	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit		Răng		800.000	800.000	0	0	
10 9	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA		Răng		2.500.000	2.500.000	0	0	
11 0	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement		Răng		500.000	500.000	0	0	
11 1	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn		Răng		500.000	500.000	0	0	
11 2	Nhổ răng sữa		Răng		200.000	200.000	0	0	
11 3	Nhổ chân răng sữa		Răng		200.000	200.000	0	0	
11 4	Chích Apxe lợi trẻ em		Răng		100.000	100.000	0	0	
11 5	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)		Răng		0	0	0		
11 6	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp		Răng		0	0	0		
11 7	Chụp Xquang khớp thai dương hàm		Lân		0	0	0		
11 8	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)		Lân		0	0	0		

11 9	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)		Lần		0	0	0	
12 0	Chụp Xquang răng toàn cảnh		Lần		100.000	100.000	0	0
12 1	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)		Lần		100.000	100.000	0	0

2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước:

3. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá.

Ghi chú:

- Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách: *Tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ*

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.

- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.